

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 380/2024/HC-PT

Ngày: 24/9/2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực xử lý vi phạm
hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường

ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 199/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính*”. Do Bản án Hành chính sơ thẩm số 89/2024/HC-ST ngày 05/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1831/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông **Trần Hữu T**; địa chỉ: **9 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. Vắng mặt.

Đại diện ủy quyền: ông **Nguyễn Đức T1**, địa chỉ: **C H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) **thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông **Lê Đại T2** – Phó Chủ tịch UBND **thành phố B**. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Bà **Vũ Thị Thanh V** – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông **Hoàng Tiến M** – chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Địa chỉ: **B T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông **Trần Hữu T.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, ông Nguyễn Đức T1 trình bày:**

Gia đình ông **T** hiện đang sinh sống tại căn nhà địa chỉ **số 1 đường Đ, phường T, thành phố B**, thuộc một phần thửa đất số 417, tờ bản đồ số 24, **phường T, thành phố B**. Nguồn gốc của thửa đất và căn nhà này là do gia đình ông **T** nhận sang nhượng lại từ gia đình ông **Trần Trường L** bà **Trần Thị Minh T3** vào năm 2012 (Có diện tích 110m²), ông **L**, bà **T3** nhận chuyển nhượng của ông **Nguyễn Bá C**, bà **Đặng Thị N** vào ngày ngày 16/11/2003, (ông **L**, bà **T3** đã xây dựng nhà ở từ năm 2007), ông **C**, bà **N** nhận chuyển nhượng của ông **Nguyễn Văn S** vào ngày ngày 24/10/2003, ông **S** đã sử dụng diện tích đất này từ trước năm 1993.

Sau khi chuyển nhượng, vợ chồng ông **L** đã bàn giao nhà, đất cho gia đình ông **T** quản lý, sử dụng, sinh sống ổn định từ đó đến nay. Từ năm 2007 đến nay, các hộ sử dụng đất đã nộp thuế nhà, đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đầy đủ cho Nhà nước, đặc biệt là gia đình ông **T** đã được đăng ký hộ khẩu thường trú tại thửa đất này. Tuy nhiên, vừa qua Ủy ban nhân dân phường T, Ủy ban nhân dân thành phố B, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và các cơ quan liên quan lại xác định toàn bộ diện tích đất này là đất lấn chiếm. Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành Quyết định số 1341/QĐ - KPHQ, ngày 27/3/2023 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc gia đình ông **T** phải khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a, khoản 4 và khoản 5, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, buộc ông **T** phải phá bỏ các công trình gồm 01 căn nhà cấp IV, mái che, sân, công và buộc ông **T** phải trả lại phần đất này.

Nhận thấy điều này là trái quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi của ông **T**. Bởi lẽ:

Thửa đất này đã được sử dụng từ trước năm 1993. Trong suốt quá trình ông **T** cũng như các hộ trước đó canh tác sử dụng thì chưa hề nhận được bất kỳ văn bản nào của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cũng như các cơ quan liên quan về việc thu hồi đối với thửa đất này. Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thu hồi của Trường Đại học T5 vào năm 2010 nhưng gia đình ông **T** đã sử dụng trước thời điểm này. Hơn nữa, trên thửa đất này ông **L**, bà **T3** đã xây dựng nhà ở từ năm 2007, việc sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở là phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất được

cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc UBND phường T, UBND thành phố B xác định ông Trần Hữu T có hành vi lấn, chiếm đất và buộc ông T phải khắc phục hậu quả là phá bỏ các công trình xây dựng trên đất là trái quy định của pháp luật. Vì, nếu có hành vi lấn, chiếm đất thì cũng là hành vi của người khác, các công trình xây dựng trên đất không phải do ông T thực hiện mà ông T chỉ là người mua lại các tài sản đó.

- Trường hợp nếu Nhà nước thu hồi thì thửa đất của gia đình ông T đủ điều kiện để bồi thường hỗ trợ theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Thửa đất này có nguồn gốc được sử dụng từ trước năm 1993. Trong quá trình sử dụng cho đến nay chủ sử dụng đất đều nộp thuế nhà đất đầy đủ cho Nhà nước. Tài sản trên đất được tạo lập trước thời điểm Ủy ban nhân dân tỉnh T. Hơn nữa, từ trước tới nay thửa đất này đều được sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở. Nay Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quy hoạch thành khu dân cư. Gia đình ông T đang sử dụng đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh P. Do đó, dù có nguồn gốc lấn chiếm thì thửa đất này cũng đủ điều kiện để được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tức là được bồi thường về đất, tài sản gắn liền trên đất khi thu hồi. Tuy nhiên, gia đình ông T lại không hề nhận được thông báo thu hồi, hay phương án bồi thường nào liên quan đến phần diện tích đất này.

Mặt khác, dù đất của gia đình ông T là lấn, chiếm thì theo quy định tại Điều 5 quy định về hỗ trợ tái định cư ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thì gia đình ông T thuộc trường hợp được cấp đất tái định cư và các chế độ khác theo quy định của pháp luật vì đây là căn nhà và thửa đất ở duy nhất của gia đình ông T.

Tuy nhiên, gia đình ông T chỉ nhận được quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả mà không nhận được bất kỳ văn bản nào về việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với đất và tài sản gắn liền trên đất là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Vì vậy ông T đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tuyên hủy Quyết định số 1341/QĐ - KPHQ ngày 27/3/2023, về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả để giúp ông T bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình.

*** Tại bản tự khai, ông Lê Đại T2 là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:**

- Về nguồn gốc đất: UBND tỉnh Đ thu hồi 2258.7m² (thửa đất số 483 tờ bản đồ số 24, diện tích 942m² và thửa đất số 417 tờ bản đồ số 24, diện tích 1.316m²) tại phường T, thành phố B của Trường Đại học T5 giao cho UBND thành phố B quản lý, để bố trí tái định cư cho các hộ bị thu hồi đất theo Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 10/11/2010.

- Về quá trình xử lý vi phạm hành chính:

Ngày 13/03/2023, UBND phường T biên bản vi phạm hành chính số 13/BB-VPHC đối với ông Trần Hữu T về hành vi vi phạm: Chiếm đất phi nông

niệp tại khu vực đô thị diện tích 101,9m² thuộc một phần thửa đất số 417, tờ bản đồ số 24, lô đất tọa lạc tại phường T, thành phố B.

Ngày 15/03/2023 UBND phường T có Tờ trình số 40/TTr- UBND về việc đề nghị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai (trong đó hành vi vi phạm hành chính về đất đai của ông Trần Hữu T diễn ra từ năm 2009 đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính (quá 02 năm) kèm theo biên bản vi phạm hành chính số 13/BB-VPHC, ngày 13/03/2023 và các hồ sơ có liên quan.

Căn cứ biên bản vi phạm hành chính số 13/BB-VPHC do UBND phường T, Tờ trình số 40/TTr-UBND về việc đề nghị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai và quy định tại điểm a, khoản 4 và khoản 5, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1341/QĐ- KPHQ ngày 27/3/2023 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Hữu T.

Quan điểm của UBND thành phố B: Việc UBND phường T xác định hành vi vi phạm, lập biên bản vi phạm hành chính và Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1341/QĐ-KPHQ ngày 27/3/2023 là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy nội dung ông Trần Hữu T đề nghị Tòa án xem xét là không có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2024/HC-ST ngày 05/6/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Hữu T về việc hủy một phần Quyết định số 1341/QĐ-KPHQ ngày 27/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Hữu T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/6/2024, người khởi kiện ông Trần Hữu T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, hủy Quyết định 1341/QĐ-KPHQ của Chủ tịch UBND thành phố B để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông theo đúng quy định pháp luật.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Ý kiến của người đại diện người kháng cáo: ông Trần Hữu T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét cứu gia đình ông T, gia đình ông T chỉ có một ngôi nhà này, ông không phải là người chiếm đất, ông mua lại đất và nhà, ngôi nhà này ông L làm từ năm 2007, xin HĐXX phúc thẩm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của gia đình ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án

và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đảm bảo đúng các quy định của Luật tổ tụng Hành chính.

- Về nội dung: đề nghị HĐXX phúc thẩm bác đơn kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, đối tượng, thẩm quyền và còn thời hiệu theo đúng quy định tại các Điều 3, 32 và 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về việc các tài liệu, chứng cứ thu thập có tại hồ sơ vụ án không đúng theo quy định tại Điều 82 Luật tố tụng hành chính; và tuyên tại phần Quyết định không đúng phạm vi khởi kiện của người khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo Báo cáo số 565/BC-UBND ngày 18/10/2018 của UBND phường T và lời khai của ông Trần Hữu T thể hiện: Nguồn gốc của thửa đất và căn nhà cấp 4, có địa chỉ 9 đường Đ, thuộc một phần thửa đất số 417, tờ bản đồ số 24 tại tổ dân phố A, phường T, thành phố B là do gia đình ông Nguyễn Hữu T4 nhận sang nhượng lại từ gia đình ông Trần Trường L và bà Trần Thị Minh T3 vào năm 2012 (có diện tích 110m²). Ông L, bà T3 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Bá C, bà Đặng Thị N vào ngày ngày 16/11/2003 và đã xây dựng nhà ở từ năm 2007. Ông C, bà N nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn S vào ngày 24/10/2003, ông S đã sử dụng diện tích đất này từ trước năm 1993.

[2.2] Ngày 10/11/2010, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2897/QĐ-UBND về việc thu hồi 2258.7m² (trong đó có thửa đất số 483 tờ bản đồ số 24, diện tích 942m² và thửa đất số 417 tờ bản đồ số 24, diện tích 1.316,m²) tại phường T, thành phố B của Trường Đại học T5 giao cho UBND thành phố B quản lý, để bố trí tái định cư cho các hộ bị thu hồi đất (viết tắt Quyết định số 2897).

[2.3] Ngày 13/3/2023, UBND phường T, thành phố B lập Biên bản vi phạm hành chính số 13/BB-VPHC đối với ông Trần Hữu T (viết tắt Biên bản vi phạm hành chính số 13) vì đã có các hành vi vi phạm tại điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ngày 27/3/2023, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1341/QĐ-KPHQ ngày 27/3/2023

về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Trần Hữu T** (viết tắt Quyết định số 1341), do ông có hành vi vi phạm hành chính là chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị; Biện pháp khắc phục phải thực hiện: buộc ông **T** phải phá bỏ các công trình gồm 01 căn nhà cấp IV, mái che, sân, công và buộc trả lại phần đất đã chiếm.

[2.4] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1341: căn cứ ban hành Quyết định số 1341 là Biên bản vi phạm hành chính số 13. Biên bản vi phạm hành chính được **UBND phường T** ngày 13/3/2023 đối với ông **Trần Hữu T** đã có hành vi vi phạm hành chính là chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị với diện tích 101,9m², thuộc một phần thửa đất số 417. Như nêu tại mục [2.1] thì ông **T** không thực hiện hành vi vi phạm mà ông chỉ nhận chuyển nhượng lại từ ông **L**, căn nhà là ông **L** xây từ năm 2007 và nguồn gốc đất là ông **S** sử dụng từ năm 1993. Như vậy, ông **T** không phải là người thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính; việc sử dụng phần thửa đất này từ năm 1993, hành vi của ông **L** xây nhà từ năm 2007 đến năm 2023 mới lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông **T** là người không thực hiện hành vi vi phạm, là không đúng theo quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính “1. Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản,”. Theo đó, việc ban hành Quyết định số 1341 của Chủ tịch **UBND thành phố B** ban hành là không đúng.

[2.5] Hơn nữa, năm 2010, **UBND tỉnh Đ** ban hành Quyết định số 2897 thu hồi đất của **Trường Đại học T5** nhưng chưa giải quyết hậu quả các trường hợp các hộ dân đã có nhà cửa, sinh sống ổn định trên Thửa đất thu hồi. Đối với trường hợp hộ ông **T** khi nhận chuyển nhượng nhà, đất từ ông **L** thì gia đình ông **T** quản lý, sử dụng, sinh sống ổn định, đăng ký cư trú từ năm 2012 đến nay. Hộ sử dụng đất đã nộp thuế nhà, đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đầy đủ cho Nhà nước từ năm 2007. Nhà và đất nêu trên đã có sổ nhà, được sử dụng trước khi có Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của **UBND tỉnh Đ**. Thửa đất này theo Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 13/11/2012 của **UBND tỉnh Đ** quy hoạch đất ở hiện hữu chính trang. Một số hộ tại Thửa đất này được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đặc biệt, tại Báo cáo số 565, Chủ tịch **UBND phường T** cũng đề xuất ý kiến xem xét giao đất cho các hộ, trong đó có hộ ông **T**, theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “1. Trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm ..., công trình công cộng khác thì Nhà nước thu hồi đất để trả lại cho công trình mà không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất đã lấn, chiếm. Trường hợp đã có điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mà nay diện tích đất lấn, chiếm không còn thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng; không thuộc chỉ giới xây dựng đường giao thông; không có mục đích sử dụng cho trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp và công trình công cộng khác thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác

gắn liền với đất và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Hữu T** về hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1341/QĐ-KPHQ ngày 27/3/2023 của Chủ tịch **UBND thành phố B** đối với ông **Trần Hữu T**. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông **Trần Hữu T** không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm; Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông **Trần Hữu T**; Sửa Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2024/HC-ST ngày 05/6/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính.*”

Căn cứ khoản 1 Điều 2 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính, sửa đổi bổ sung năm 2020; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông **Trần Hữu T** về việc hủy Quyết định số 1341/QĐ-KPHQ ngày 27/3/2023 của Chủ tịch **UBND thành phố B** về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Trần Hữu T**.

2. Về án phí:

Ông **Trần Hữu T** không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm, hoàn số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm tại biên lai thu số 0004639 ngày 22 tháng 12 năm 2023, phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số ngày 0012929 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đắk Lắk cho ông **Trần Hữu T**.

Chủ tịch **UBND thành phố B** phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Dung